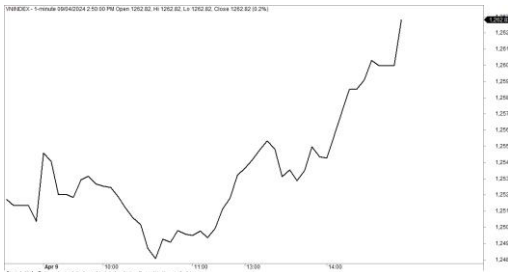


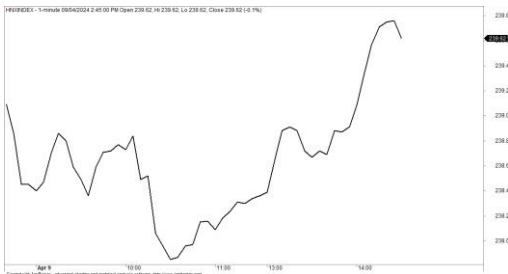
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,262.82	240.36	90.57
% ngày	1.00%	0.96%	0.05%
% tuần	-1.88%	-2.25%	-0.91%
% tháng	1.24%	1.71%	-0.72%
% năm	18.05%	13.59%	15.88%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	17,112	1,643	667
TB 1 tuần	22,768	2,370	878
TB 1 tháng	25,758	2,378	727
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,807.07	58.45	9.93
Bán	1,533.65	21.38	24.05
Giá trị ròng	273.42	37.07	-14.12
Độ rộng TT			
Mã Tăng	230	111	137
Mã Giảm	102	65	174
Không Đổi	87	149	592
Chỉ số chính			
P/E	14.72	19.98	20.31
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	5,126	323	1,217
LS Cổ tức	0.00%	0.00%	0.00%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường ghi nhận phiên hồi phục thành công nhờ diễn biến tích cực ở nhóm vốn hóa lớn. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 1% tiến lên 1262.82 điểm, chỉ số HNX-Index tăng 0.96%, chỉ số Upcom-Index cộng thêm 0.05%. Giá trị giao dịch tiếp tục sụt giảm khi đạt 19,422 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

Nhóm vốn hóa lớn diễn biến tích cực hơn trong đó MWG (5.6%), MSN (2.23%), VRE (2.54%), GVR (1.89%) là điểm nhấn trong phiên hôm nay. Ngoài ra, nhóm Ngân hàng tiếp tục khởi sắc nhờ LPB tăng trần trong khi MBB (2.13%), CTG (2.24%), TPB (1.92%), VIB (1.54%), BID (3.74%) tăng giá. Nhóm Chứng khoán, Bất động sản, Thép cũng cùng chung diễn biến tăng giá với SSI, VIX, VND, HCM, DIG, DXG, KBC, NKG đều tăng từ 2% trở lên.

Dòng tiền bắt đáy cũng tham gia tích cực hơn ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ giúp POM, SCD tăng trần trong khi VTP (4.88%) ghi nhận phiên tăng trở lại.

Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 292 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong đó MWG (274 tỷ), SBT (57 tỷ), BID (48 tỷ) dẫn đầu ở chiều mua ròng. Ở chiều ngược lại, VHM (133 tỷ), FUCESSVFL (112 tỷ), VNM (66 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đà tăng trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm tra lại mức kháng cự 1,270 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy ngắn hạn cho nên thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật với thanh khoản thấp, điều này cũng thể hiện lực cầu ngắn hạn vẫn còn thận trọng với diễn biến thị trường hiện tại và thị trường có thể cũng sẽ nhanh chóng kết thúc nhịp hồi ngắn hạn. Ngoài ra, rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức cao cho nên chúng tôi không khuyến khích mua mới trong giai đoạn này và nhà đầu tư vẫn nên quan sát thêm diễn biến thị trường ở hai vùng hỗ trợ quan trọng là 1,230 – 1,235 điểm và 1,200 – 1,210 điểm của chỉ số VN-Index.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục tận dụng nhịp hồi để hạ tỷ trọng cổ phiếu và hạn chế mua mới trong giai đoạn này.

Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: <https://ysradar.yuanta.com.vn/>



BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1300	1330	870	800
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	TĂNG	260	306	189	160
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	1300	1336	980	960
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	1280	1250	963	900
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	1250	1250	804	750

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1262.82	1.00%
VN30	1266.92	0.97%
VN Mid	1905.7	1.83%
VN Small	1478.9	0.76%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	240.36	0.96%
HN30	533.93	1.81%
VNX AllSh	1283.59	1.20%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	90.57	0.05%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1807.06595	
Bán	1533.64871	
GT rỗng	273.417233	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	58.45	
Bán	21.38	
GT rỗng	37.07	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	9.93	
Bán	24.05	
GT rỗng	-14.12	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	1200	6.92%
QCG	850	6.91%
POM	260	6.90%
CMG	2950	6.55%
VDS	1250	6.08%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HMR	2000	9.76%
CAP	5900	9.75%
DVM	1100	9.73%
BVS	3100	8.88%
C69	500	7.25%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VFC	1465237	13.19%
POS	19435900	12.76%
BDT	18907000	10.69%
HIO	10499400	4.21%
SCL	0	3.05%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VNE	-310	-5.74%
MHC	-550	-5.53%
PSH	-310	-4.70%
NO1	-300	-3.95%
FIR	-250	-2.75%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
S99	-1300	-9.56%
IVS	-400	-2.94%
SRA	-100	-2.86%
AMV	-100	-2.78%
BNA	-300	-2.68%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GSM	-2600	-11.93%
CEN	-419	-11.32%
VGI	-2635	-5.17%
BIG	-381	-3.56%
PXL	-446	-3.21%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VCB	527,051,306	
BID	300,412,972	
VHM	188,108,675	
CTG	183,922,217	
GAS	183,509,514	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
PVS	20,265,771	
IDC	19,172,996	
HUT	16,689,974	
SHS	16,425,766	
THD	13,436,499	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	183,288,342	
VGI	147,213,929	
MCH	96,064,881	
BSR	61,374,390	
VEA	49,048,666	

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
NVL	38,217,900	38,687,393
VIB	31,132,900	9,139,609
VIX	27,604,300	37,225,144
MWG	21,005,300	12,718,062
STB	17,970,600	27,133,396

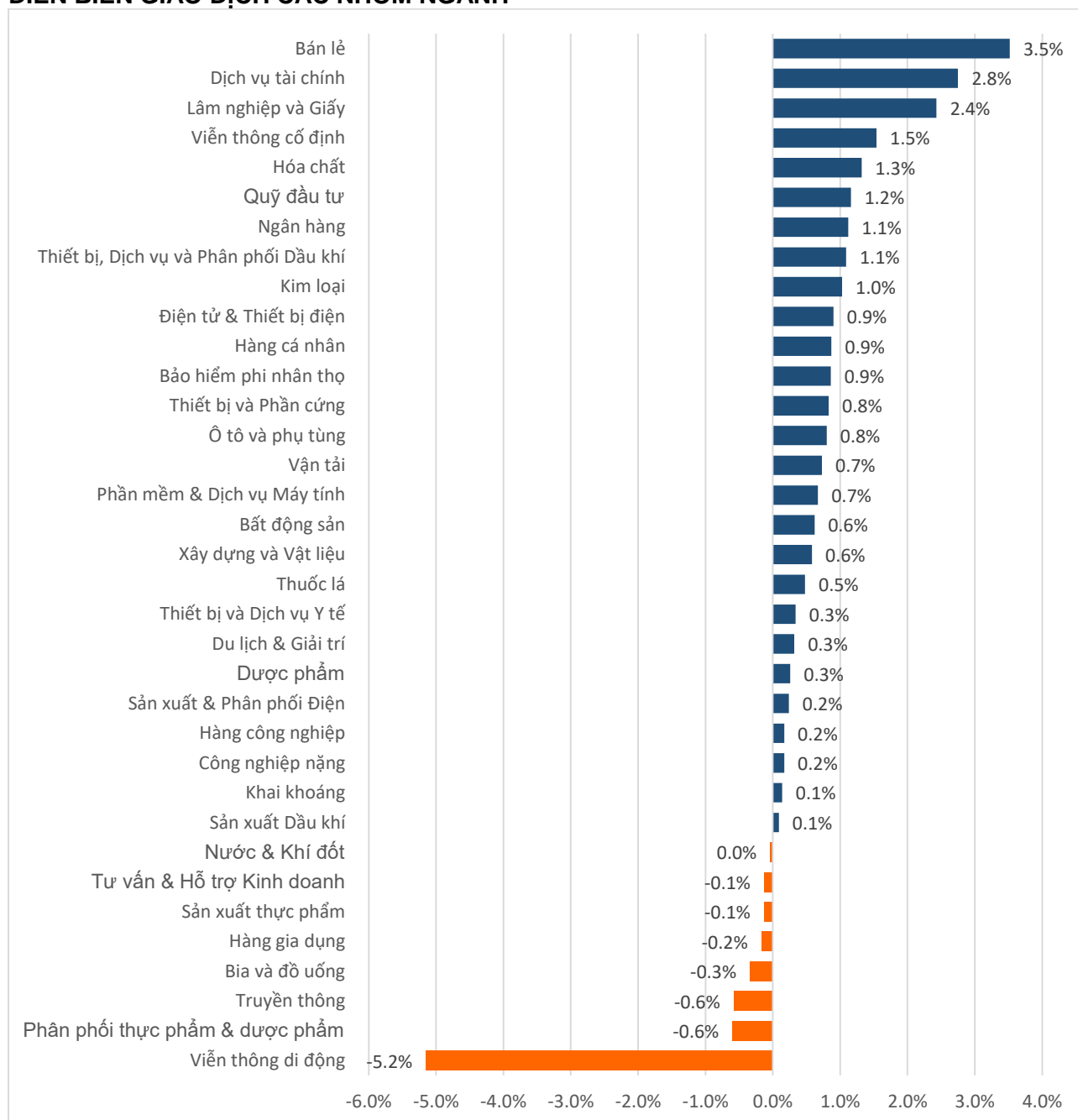
KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHS	21,122,622	30,053,094
PVS	6,126,690	9,505,541
CEO	5,912,136	16,190,270
PVC	4,318,876	2,914,737
HUT	3,790,160	5,240,711

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
BSR	8,034,839	7,230,759
AAH	6,236,500	1,513,410
VGI	2,280,507	2,158,885
DDV	1,778,297	2,892,418
CEN	1,628,829	408,913

Nguồn: FinProX & YSVN



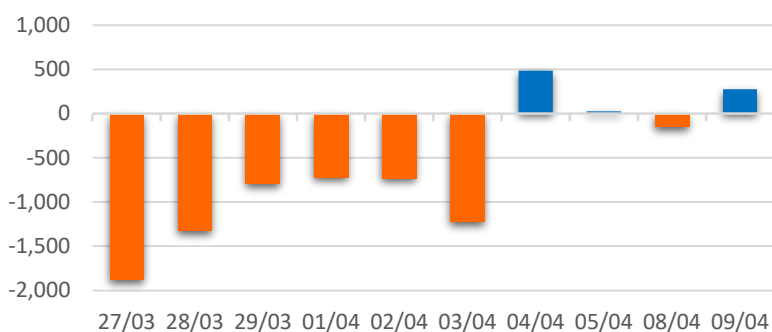
DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



Nguồn: FiinProX – YSVN

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

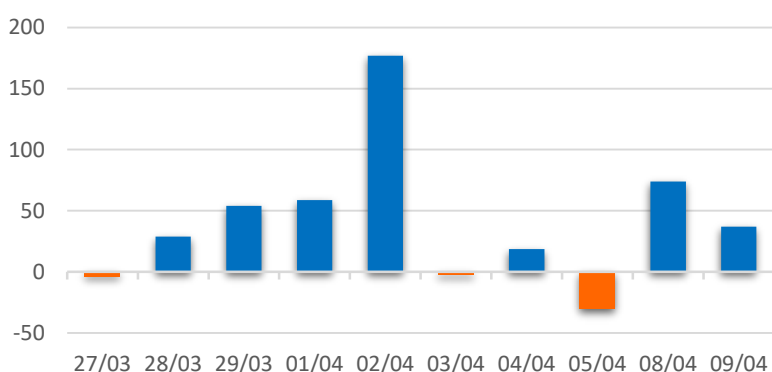
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MWG	276,119	VHM	-132,730
SBT	56,519	FUESSVFL	-112,416
BID	48,295	VNM	-65,882
MSN	46,807	DBC	-56,823
HPG	44,354	FUEVFNVD	-34,620

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

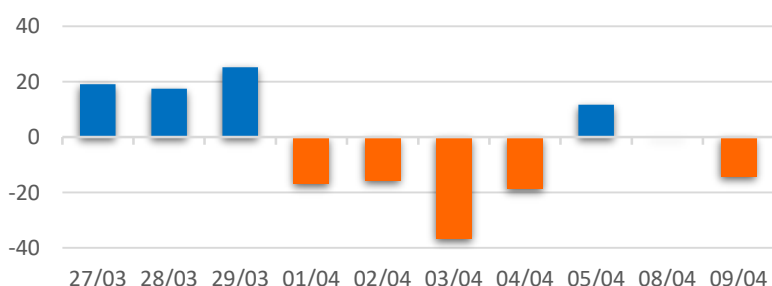
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	15,469	TVC	-816
SHS	7,474	IDC	-491
BVS	5,868	TA9	-355
CEO	3,369	NVB	-204
NBC	1,165	MCO	-145

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ACV	3,804	BSR	-18,610
VEA	371	MSR	-325
QNS	246	GDA	-117
GHC	231	FOC	-78
BLI	158	CLX	-73

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinProX – YSVN

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FUESSVFL	105,877	MWG	83,525
PC1	28,115	STB	32,395
ASM	18,817	MSN	27,732
VHM	17,197	CTR	27,263
PTB	8,103	BID	25,778

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất trên HSX

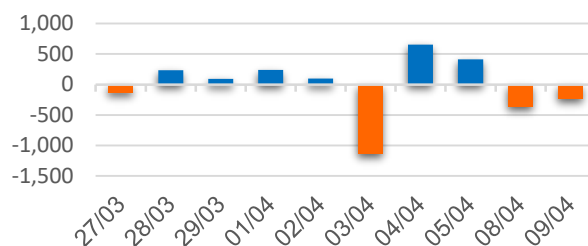
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	5,498	IDC	12,739

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên HNX

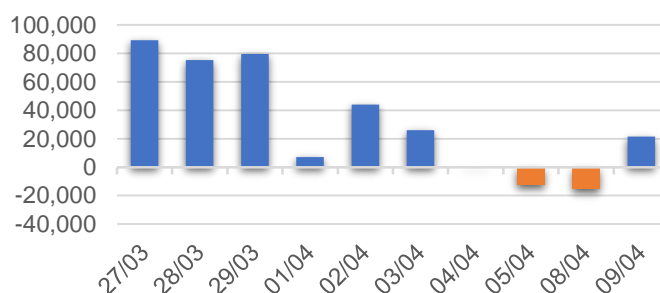
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ACV	844.91	MCH	2,621
BSR	396.00		
VEA	370.75		

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên UPCoM

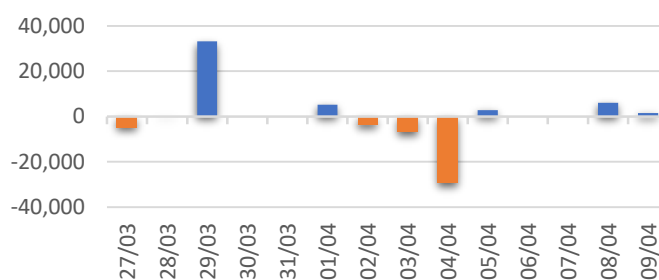
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng trên HSX (tỷ đồng)



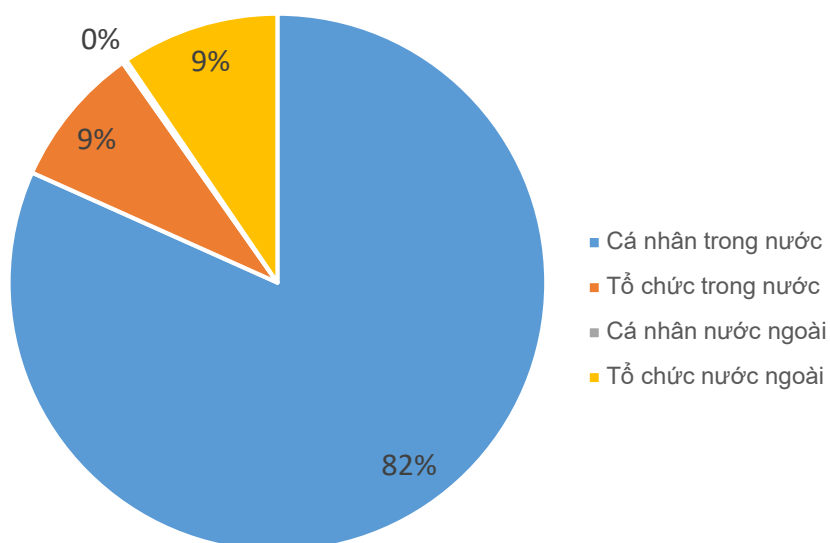
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng HNX (triệu đồng)



Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng UPCoM (triệu đồng)



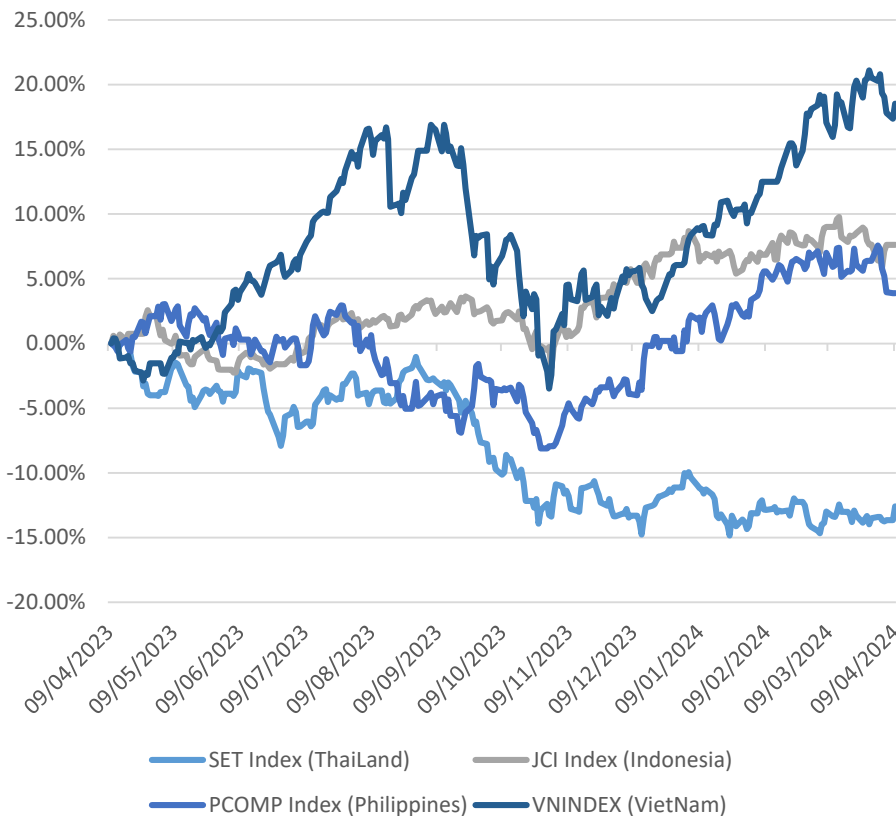
CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FinProX – YSVN



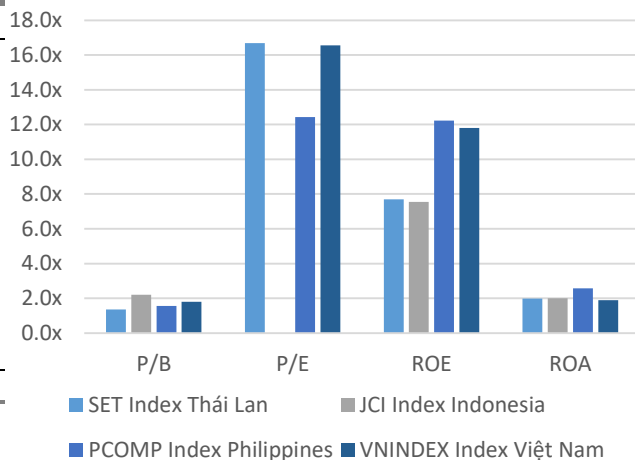
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.4x	2.2x	1.6x	1.8x
P/E		16.7x	#N/A N/A	12.4x	16.6x
ROE	%	7.69	7.54	12.22	11.80
ROA	%	1.98	2.01	2.57	1.89
Vốn hóa	Tỷ USD	465.68	751.45	163.90	204.17
GTGD	Tỷ USD	0.67	0.47	0.06	0.74
LS cổ tức	%	3.25	3.75	2.59	1.55

Nguồn: Bloomberg & YSVN



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written